

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2026/HS-PT
Ngày 25 - 02 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 13/2026/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo Lê Duy H1 và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 810/2025/HS-ST ngày 26, 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Duy H1 (tên gọi khác: Không), sinh năm 1978 tại tỉnh Thanh Hoá; Giới tính: Nam; ĐKNKTT và chỗ ở: Số nhà D, ngõ A đường K, tổ C, phường Đ, quận H, (nay là phường Đ), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Duy H2, sinh năm 1945 và Con bà: Lê Thị T, sinh năm 1947 (đã chết); Gia đình có 04 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ 02; Vợ là Lê Thị H3, sinh năm 1982 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con sinh năm 2008; D chỉ bản số lập 392 lập ngày 27/5/2023 Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/5/2023; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; có mặt.

2. Lê Ánh T10 (tên gọi khác: Không), sinh năm 1972 tại thành phố Hà Nội; Giới tính: Nữ; ĐKNKTT: Số nhà A, khu G, thị trấn V, huyện T, (nay là xã Đ), thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Số nhà D, phố N, phường A, quận F, (nay là phường P), thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Văn

G, sinh năm 1950; Con bà: Đào Thị T1, sinh năm 1953; Gia đình có 02 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ nhất; Chồng là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995; D chỉ bản số 302 lập ngày 19/5/2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/5/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; có mặt.

3. Nguyễn Văn Đ1 (tên gọi khác: Không), sinh năm 1967 tại thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Thôn Y, xã T, huyện T, (nay là xã T), thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Xóm E, xã D, huyện D, (nay là xã A), tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn M (đã chết) và Con bà: Nguyễn Thị Á, sinh năm 1947; Gia đình có 06 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là: Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; Bị cáo có 03 con; con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2001; D chỉ bản số 458 lập ngày 30/7/2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; có mặt.

4. Hán Mạnh H9 (tên gọi khác: Không), sinh năm 1995 tại tỉnh Phú Thọ; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Khu F, xã G, huyện P, (nay là xã D), tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở: Không cố định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hán Đăng H4 (đã chết) và Con bà: Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1957; Gia đình có 06 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ 06; D chỉ bản số 482 lập ngày 01/8/2024; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/7/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 24/11/2016, bị Công an huyện P, tỉnh Phú Thọ xử phạt vi phạm hành chính, hình tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác; Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; có mặt.

5. Nguyễn Quang H5 (tên gọi khác: Không), sinh năm 1990 tại tỉnh Phú Thọ; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Khu A, xã N, huyện Đ, (nay là xã Đ), tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở: Số nhà E, ngách B, phố V, phường L, quận Đ, (nay là L), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Tổ H6, sinh năm 1966 và Con bà: Nguyễn Thị H7, sinh năm 1968; Gia đình có 02 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ nhất; D chỉ bản số 039 lập ngày 12/1/2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; có mặt.

6. Dương Hoàng K (tên gọi khác: Không), sinh năm 1988 tại tỉnh Bắc Ninh; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Số H, ngách A tổ A, phường T, quận H, (nay là phường V), thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Phòng B, Tòa S, khu đô thị V, xã Đ, huyện G, (nay là xã G), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn

giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Dương Thu Đ3, sinh năm 1957 và Con bà: Phạm Thị M1, sinh năm 1959; Gia đình có 02 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ 02; Vợ là Vũ Diệu L1, sinh năm 1991; Bị cáo có 01 con sinh năm 2020; D chỉ bản số 212 lập ngày 20/5/2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Trần Văn D1 (tên gọi khác: Không), sinh năm 1984 tại tỉnh Bắc Ninh; Giới tính: Nam; ĐKNKTT: Xóm T, xã T, huyện T, (nay là phường T), thành phố Hà Nội; Chỗ ở: P, tòa CT2, chung cư S, đường N, xã T, huyện T, (nay là phường T), thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn Q (đã chết) và Con bà: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1960; Gia đình có 03 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ 02; Vợ là Vũ Thị H8, sinh năm 1989; Bị cáo có 02 con; con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; D chỉ bản số 214 lập ngày 20/5/2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo Lê Duy H1, Lê Ánh T10, Nguyễn Văn Đ1, Hán Mạnh H9, Nguyễn Quang H5 theo chỉ định của Tòa án:** Luật sư Đặng Hồng D2 và Luật sư Phùng Lan H10 - Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; đều có mặt.

Trong vụ án còn có các bị cáo: Nguyễn Thùy T2, Nguyễn Thị Hoài T3; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; các bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/10/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ7 (viết tắt Ngân hàng S2) đưa ra quy định "*Cho vay mua ô tô phục vụ nhu cầu đời sống dành cho Khách hàng Cá nhân - SeAcar*" cho khách hàng là cá nhân vay tiền nhằm mục đích mua ô tô, hướng đến đối tượng khách hàng vay tiền để bù đắp số tiền khách hàng đã vay của bên thứ ba khi mua ô tô - được gọi là "*Vay bù đắp*". Điều kiện để được duyệt khoản vay: Khách hàng mua ô tô phục vụ nhu cầu đời sống của chính khách hàng; việc vay vốn không quá 90 ngày tính từ ngày ký trên hợp đồng mua bán ô tô đến ngày khách hàng ký trên Đơn đề nghị vay vốn tại ngân hàng; bên thứ ba không phải là tổ chức tín dụng. Ngân hàng sau khi tiếp nhận, định giá và thẩm định hồ sơ vay, nếu đủ điều kiện sẽ giải ngân vào tài khoản tại Ngân hàng S3 được mở dưới tên của người thứ ba (người đã cho vay tiền để mua xe ô tô). Lợi dụng những kẽ hở trong quy trình cho vay của ngân hàng, nhóm đối tượng gồm Nguyễn Thùy T2, Lê Duy H1 và một số đối tượng khác đã tìm các xe ô tô nhập lậu có nguồn gốc từ Lào hoặc Campuchia, làm giả các giấy tờ mua bán xe, đăng ký xe và một số tài liệu chứng minh nhân thân, chứng minh nguồn thu nhập trong hồ sơ đề nghị cấp tín dụng rồi cấu kết với Nguyễn Quang H5 là nhân viên tín dụng của

Ngân hàng S3 - Chi nhánh Đ8, Phòng G1 đề 06 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Ngân hàng Cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất (Hồ sơ vay vốn của Dương Hoàng K)

Đầu tháng 01/2019, do cần tiền để kinh doanh nhưng không có tài sản thế chấp để vay tiền ngân hàng, nên Trần Văn D1 và Dương Hoàng K bàn nhau nhờ Nguyễn Doãn C và Nguyễn Thùy T2 giúp để vay vốn ngân hàng. T2 tư vấn cho K và D1 là tìm xe ô tô, làm giả các giấy tờ xe rồi thế chấp vào ngân hàng để vay vốn; D1 và K đồng ý. K đã chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng đến tài khoản số 268988888 của Nguyễn Doãn C mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á1 (viết tắt là A) để đặt cọc cho việc tìm xe ô tô và làm giả các giấy tờ. C đã rút tiền ra rồi đưa lại cho Lê Duy H1 50.000.000 đồng để H1 và V T4 tìm các loại xe ô tô theo yêu cầu của D1 và K. Sau đó làm giả Hợp đồng mua bán xe và Giấy đăng ký, Giấy kiểm định xe ô tô, đồng thời cho số điện thoại để H1 liên hệ trực tiếp với K và D1. Khoảng 10 ngày sau, H1 trực tiếp gặp D1 và K thông báo đã tìm được 01 xe ô tô hiệu Mercedes S550 AMG, gắn biển kiểm soát 30A-472.36, số máy 309420520426 và số khung 6AA2BE536438. H1 chụp lại thông tin Căn cước công dân của K rồi gửi cho Vương Quốc T4 để T4 làm giả các loại giấy tờ xe. T4 đã nhờ Hà Thanh T5 đứng tên chủ xe, rồi làm giả Đăng ký xe mang tên T5, làm giả kiểm định xe ô tô và nhờ T5 ký hộ vào hợp đồng bán chiếc xe ô tô trên cho Dương Hoàng K. Việc mua bán được Văn phòng C4 do công chứng viên Nguyễn Văn T6 chứng thực hợp đồng mua bán xe. Sau khi có hợp đồng mua bán công chứng, T4 tiếp tục làm giả Giấy chứng nhận đăng ký của xe ô tô số 365993 có đặc điểm, biển kiểm soát như trên với mang tên Dương Hoàng K. Sau đó, T4 gửi xe ô tô chuyển lại bộ hồ sơ (gồm 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 24/01/2019 giữa Hà Thanh T5 và Dương Hoàng K, số công chứng 123.21/2019/HĐMB tại Văn Phòng C4; 01 giấy nhận tiền giữa Hà Thanh T5 và Dương Hoàng K ngày 24/1/2019; 01 Đăng ký xe ô tô số 365993 ngày 26/01/2019 tên chủ xe Dương Hoàng K) cho Lê Duy H1 để H1 chuyển cho Nguyễn Thùy T2. T2 đã chuyển toàn bộ hồ sơ cho Nguyễn Quang H5 - nhân viên của Ngân hàng S3 - Chi nhánh Đ8, Phòng G1 (là người quen của T2) xem. H5 báo có thể hỗ trợ các thủ tục thẩm định, nhưng nếu khách không chứng minh được thu nhập thì H5 yêu phải cầu cắt hoa hồng 08 -10% số tiền được giải ngân. T2 báo lại cho K và D1 biết thì hai người đồng ý. Sau đó, H5 tiếp nhận hồ sơ vay vốn, hướng dẫn K thu thập các giấy tờ chứng minh thu nhập, thuê Công ty T14 thẩm định giá trị thực tế của xe ô tô. Khi đến ngày hẹn thẩm định giá, H1 mang chiếc xe hiệu nhãn hiệu Mercedes S550 AMG, gắn biển kiểm soát 30A-472.36 đến hầm của một chung cư ở khu vực Hồ Ngọc K1 (không xác định rõ địa điểm). Khi được H5 thông báo, H1 đưa T2, K cùng các nhân viên của Công ty thẩm định giá đến hầm nơi để xe để thẩm định thực tế. Công ty T14 tiến hành thẩm định và có chứng thư thẩm định giá xác định giá trị chiếc xe là 1.840.000.000 đồng. Phòng G1 đã kiểm tra hồ sơ vay đủ điều kiện và đề xuất duyệt cho vay với mức 850.000.000 đồng. Để hoàn thiện hồ sơ và lấy tiền hoa hồng, H5 đã tự làm giả giấy vay tiền để mua xe ô tô, theo đó người

cho vay (người thứ ba) là Đỗ Ngọc H11 là em họ của H5 và người vay tiền là Dương Hoàng K, đăng ký tài khoản giải ngân khoản vay là tài khoản của Đỗ Ngọc H11.

Ngày 01/02/2019, Ngân hàng S3 ký hợp đồng tín dụng và giải ngân khoản vay của Dương Hoàng K, chuyển số tiền 850.000.000 đồng vào tài khoản số 000008700382 của Đỗ Ngọc H11 mở tại Ngân hàng S3. H5 đã nhờ H11 rút toàn bộ số tiền trên đưa cho H5. Theo đúng thỏa thuận, H5 giữ lại 73.000.000 đồng và chuyển số tiền 777.000.000 đồng cho Trần Văn D1. Sau khi nhận được tiền, D1 trả công cho T2 50.000.000 đồng, trả thêm cho Lê Duy H1 số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại, D1 và K đã sử dụng vào mục đích kinh doanh và trả tiền gốc, tiền lãi cho ngân hàng. Đối với khoản vay trên, D1 và K đã thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng S3 đến hết ngày 09/4/2023, tổng số tiền là 552.311.880 đồng. Hiện Dương Hoàng K và Trần Văn D1 đã liên hệ với ngân hàng để thanh toán khoản vay.

Như vậy, Dương Hoàng K và Trần Văn D1 có hành vi thuê Nguyễn Thùy T2, Lê Duy H1 làm và sử dụng 01 tài liệu giả để làm hồ sơ vay vốn ngân hàng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngân hàng S3 yêu cầu Trần Văn D1, Dương Hoàng K và các bị can khác bồi thường tổng số tiền gốc chưa trả, tiền lãi phát sinh là 689.633.187 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng và các bị cáo Trần Văn D1, Dương Hoàng K xác nhận đã tất toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng đối với hồ sơ vay Dương Hoàng K. Ngân hàng rút yêu cầu đối với giải quyết khoản vay nợ đối với hồ sơ này. Do đó tại bản án sơ thẩm đã xác định không còn phải giải quyết về trách nhiệm dân sự của D1 và K trong vụ án này.

2. Vụ thứ hai (Hồ sơ vay vốn của Nguyễn Thị Hoài T3)

Cuối tháng 02/2019, sau khi vay tiền được vụ thứ nhất, Nguyễn Thùy T2 nảy sinh ý định Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng S3. T2 bàn với Lê Duy H1 tiếp tục tìm xe ô tô hạng sang, làm giả giấy tờ, hợp đồng mua bán xe rồi thế chấp vay tiền Ngân hàng S3, theo thỏa thuận khi vay được tiền T2 sẽ trả H1 175.000.000 đồng. T2 nhờ người quen là Nguyễn Thị Hoài T3, hứa hẹn với T3 sẽ tạo điều kiện cho việc kinh doanh của T3 và xin việc cho con rể T3, để nhờ T3 đứng tên giúp trong Hợp đồng mua bán xe ô tô, hợp đồng tín dụng để vay vốn ngân hàng. T3 đồng ý và chuyển toàn bộ giấy tờ của bản thân và gia đình T3 cho T2. T2 chuyển toàn bộ giấy tờ thông tin của T3 cho Lê Duy H1, H1 chuyển tiếp các thông tin trên cho Vương Quốc T4 để làm giả các giấy tờ hợp đồng mua bán xe ô tô. Sau khi H1 và T4 tìm được chiếc xe ô tô hiệu Lexus RX350 gắn biển kiểm soát 30A-486.56, có số khung 2T2ZY3BA1FC127066, số máy 2RGK27086. T4 đã nhờ Nguyễn Anh Q1 là người quen của T4 đứng tên người có xe ký vào hợp đồng mua bán chiếc xe trên cho Nguyễn Thị Hoài T3. T4 làm giả Đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Anh Q1 và giấy kiểm định chiếc xe ô tô, rồi đặt xe ôm gửi lại cho H1. H1 chuyển bộ hồ sơ mua bán xe và đăng ký xe trên

cho T2 để T2 đưa cho T3 ký vào Hợp đồng mua bán xe, rồi đi công chứng tại Văn phòng C4 (do Công chứng viên Nguyễn Văn T6 thực hiện). Sau khi có hợp đồng mua bán xe đã được công chứng, T4 tiếp tục làm giả Giấy chứng nhận đăng ký của xe ô tô số 388635 có đặc điểm trên với tên chủ xe là Nguyễn Thị Hoài T3 (để thế chấp vào ngân hàng). Làm xong, T4 chuyển lại giấy tờ xe và hợp đồng mua bán xe cho H1, để H1 chuyển cho T2. T2 chuyển tiếp hồ sơ cho Nguyễn Quang H5 (nhân viên Ngân hàng S4) để làm các thủ tục thẩm định hồ sơ. Sau khi H5 thông báo lịch thẩm định giá xe, Lê Duy H1 đưa chiếc xe đến một bãi để xe ở khu vực quận L, thành phố Hà Nội (không nhớ rõ địa chỉ) để thẩm định chiếc xe ô tô nhãn hiệu Lexus RX350 gắn biển kiểm soát 30A-486.56. Lúc này, Nguyễn Thùy T2 cùng bạn trai là Hán Mạnh H9 và Nguyễn Thị Hoài T3 đã đến bãi xe nhận là chủ sở hữu xe và làm các thủ tục thẩm định. Sau khi thẩm định xe xong, Công ty T14 ban hành Chứng thư thẩm định giá trị chiếc xe là 2.700.000.000 đồng. Nguyễn Quang H5 kiểm tra lịch sử tín dụng theo số Chứng minh thư nhân dân 011417174 của Nguyễn Thị Hoài T3 thì phát hiện T3 có nợ xấu, theo quy định của ngân hàng thì T3 không đủ điều kiện vay tiền. H5 đã bàn bạc hướng dẫn T3 sửa hai số cuối ở Chứng minh thư nhân dân thành số A1 rồi làm đơn đến Công an phường C, quận B, thành phố Hà Nội xin xác nhận số Chứng minh thư nhân dân 011417110 với số Căn cước công dân 001170015607 Thu được cấp là của cùng một người. Sau khi Công an phường C xác nhận, T3 chuyển lại cho H5. H5 làm giả giấy vay tiền giữa Nguyễn Thị Hoài T3 và bên cho vay là Đỗ Ngọc H11 (em họ H5). Ngày 18/3/2019, Ngân hàng S2 đã ký hợp đồng tín dụng với Nguyễn Thị Hoài T3 và giải ngân khoản vay 890.000.000 đồng được chuyển đến tài khoản số 000008700382 của Đỗ Ngọc H11 mở tại Ngân hàng S3. Sau đó, H5 nhờ Đỗ Ngọc H11 chuyển số tiền 809.000.000 đồng đến tài khoản số 151010000586831 của Hán Mạnh H9 (bạn trai T2) mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ9 (B). H5 giữ lại 81.000.000 đồng để hưởng lợi. Sau khi nhận tiền, H9 và T2 đã chuyển cho Lê Duy H1 175.000.000 đồng theo thỏa thuận ban đầu. Đối với khoản vay này, T2 đã trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng được 03 tháng với tổng số tiền là 64.317.190 đồng (gốc là 49.590.954 đồng, lãi là 14.726.236 đồng), rồi bỏ trốn để chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

Như vậy, Nguyễn Thùy T2 với vai trò chủ mưu, T2 thuê Lê Duy H1 làm, sử dụng 01 tài liệu giả rồi nhờ Nguyễn Thị Hoài T3 đứng tên hợp đồng tín dụng và được giúp sức của Nguyễn Quang H5, Hán Mạnh H9 để Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngân hàng số tiền 840.409.046 đồng (= 890.000.000 đồng – 49.590.954 đồng).

Trách nhiệm dân sự: Ngân hàng S3 yêu cầu Nguyễn Thị Hoài T3 và Nguyễn Thùy T2, Lê Duy H1 phải bồi thường (tiền gốc, tiền lãi phát sinh) tổng số là 1.586.571.980 đồng.

Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị Bích H12 (sinh năm 1991; trú tại khu A, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ) đã tự nguyện giao nộp số tiền 40.000.000 đồng để

khắc phục hậu một phần hậu quả cho Nguyễn Quang H5.

3. Vụ thứ ba (Hồ sơ vay vốn của Nguyễn Văn Đ1)

Với thủ đoạn như trên, khoảng tháng 03/2019, Nguyễn Thùy T2 thuê Nguyễn Văn Đ1, làm thợ xây dựng đứng tên hợp đồng vay vốn, hứa hẹn sẽ trả Đ1 50.000.000 đồng. Đ1 đồng ý cung cấp thông tin các nhân của Đ1 cho T2, để T2 chuyển tiếp cho Lê Duy H1 nhờ tìm xe ô tô và làm giả bộ hồ sơ mua bán xe, đăng ký xe. H1 chuyển lại thông tin của Đ1 cho T4, sau đó, T4 làm và gửi lại bộ hồ sơ mua bán xe ô tô hiệu Honda CRV, biển kiểm soát 30E - 388.01, số máy K24Z81107830, số khung M4853D5051769, với bên bán là Vũ Thị H13 (sinh năm 1963; trú tại thôn H, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội; chưa xác định được lai lịch) và bên mua là Nguyễn Văn Đ1. Hợp đồng được Văn phòng C5 do Công chứng viên Nguyễn Văn C1 công chứng rồi chuyển lại toàn bộ giấy tờ, hợp đồng cho Nguyễn Thùy T2. T2 chuyển hồ sơ thẩm định đến Ngân hàng S2. Bản thân Nguyễn Văn Đ1 không đủ điều kiện vay vốn về chứng minh thu nhập để đủ điều kiện vay vốn khi thẩm định, Hán Mạnh H9 và Đ1 đã thuê cửa hàng sản xuất, kinh doanh đồ gỗ của ông Nguyễn Văn T7, là anh họ của Đ1. T2, H9 làm biển quảng cáo với nội dung: *“Xuân Diệp; chuyên bán các loại gỗ xoan đào - T - S - Gỗ nhập khẩu các loại”* để lừa dối nhân viên thẩm định. Do Đ1 không lấy sổ hộ khẩu nên T2 bảo Đ1 cung cấp thông tin, rồi T2 thuê đối tượng N1 (chưa xác định nhân thân) làm giả sổ hộ khẩu cùng 01 Giấy xác nhận số chứng minh thư nhân dân số 638 ngày 11/4/2019 của Công an huyện T, 01 Giấy xác nhận kinh doanh của Công an xã T cho Nguyễn Văn Đ1, 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 57 ngày 03/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã T và 01 Bản sao Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, số công chứng 1126 ngày 23/4/2019 để đưa vào hoàn thiện hồ sơ vay vốn. Ngày 23/4/2019, Ngân hàng S2 ký hợp đồng tín dụng cho Nguyễn Văn Đ1 vay số tiền 588.000.000 đồng và giải ngân cho khoản vay trên vào tài khoản số 000001201071 mở tại Ngân hàng S2 của bà Nguyễn Thị Tố H14; là cô ruột của H5. Sau đó, H5 nhờ bà H14 chuyển khoản toàn bộ 588.000.000 đồng đến tài khoản số 15010000586831 của Hán Mạnh H9 mở tại Ngân hàng B. T2 bảo H9 rút tiền ra trả cho Lê Duy H1 50.000.000 đồng tiền công. Đối với khoản vay trên, T2 đã trả cho ngân hàng số tiền 31.194.220 đồng (trong đó gốc là 19.600.000 đồng, lãi là 11.594.220 đồng), số tiền còn lại T2 và H9 sử dụng chi tiêu cá nhân hết rồi bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

Như vậy: Nguyễn Thùy T2 với vai trò chủ mưu, T2 thuê Lê Duy H1 làm, sử dụng 05 tài liệu giả rồi nhờ Nguyễn Văn Đ1 đứng tên hợp đồng tín dụng và được giúp sức của Nguyễn Quang H5, Hán Mạnh H9 để Lừa đảo chiết đoạt tài sản ngân hàng số tiền 568.400.000 đồng (588.000.000 đồng - 19.600.000 đồng)

Trách nhiệm dân sự: Ngân hàng S3 yêu cầu Nguyễn Thùy T2, Nguyễn Văn Đ1 bồi thường (tiền gốc, tiền lãi phát sinh) với tổng số là 1.050.585.960 đồng.

4. Vụ thứ tư (hồ sơ vay vốn của Lê Ánh T10)

Khoảng tháng 3/2019, Nguyễn Doãn C giới thiệu Lê Ánh T10 gặp Nguyễn

Thùy T2. Qua trao đổi, T10 muốn vay vốn ngân hàng nhưng không có tài sản đảm bảo, T2 đồng ý hỗ trợ thủ tục hồ sơ vay với ngân hàng. Sau đó, C nhờ Lê Duy H1 tìm xe, lấy thông tin của T10 và hỗ trợ làm hồ sơ mua bán xe và đăng ký xe giả. T10 trả trước cho H1 số tiền 50.000.000 đồng, để tìm xe ô tô và làm hồ sơ. T2 được H1 chuyển lại bộ hồ sơ mua bán 01 xe ô tô Hyundai Santafe, biển kiểm soát 30E-479.80, số máy KEDJ017668, số khung BNB4GZ230164 giữa người bán là Nguyễn Thị L2 và người mua là Lê Ánh T10, được Công chứng tại Văn phòng C5 do Công chứng viên Nguyễn Văn C1 thực hiện. Sau khi làm xong các giấy tờ, H1 chuyển lại cả bộ hồ sơ cho T2 để gửi cho Nguyễn Quang H5, H5 chuyển lại bộ hồ sơ cho nhân viên ngân hàng là anh Phan Thế H15 (sinh năm 1995; trú tại số nhà L, khu G, phường L, quận H, thành phố Hà Nội) để thẩm định hồ sơ vay vốn. Ngày 22/3/2019, khi được thông báo thẩm định giá trị chiếc xe ô tô 30E-479.80, T10 liên hệ với H1 để mang chiếc xe ô tô đến chung cư T để Công ty T14 thẩm định và ban hành Chứng thư thẩm định trị giá xe ô tô là 1.070.000.000 đồng. Để giải ngân được khoản vay, T10 nhờ anh Đặng Văn T8, là lái xe taxi đứng ra làm người thứ ba ký giấy cho T10 vay số tiền 749.000.000 đồng và nhận tiền giải ngân của ngân hàng, T10 trả công cho anh T8 với số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 30/3/2019, Ngân hàng S3 ký hợp đồng tín dụng với T10, số tiền duyệt cho vay là 749.000.000 đồng. Ngày 03/4/2019, Ngân hàng S3 chuyển khoản đến tài khoản số 000003800491 của anh T8 mở tại Ngân hàng S3 số tiền 749.000.000 đồng. Cùng ngày, T10 đi cùng anh T8 đến Phòng giao dịch của Ngân hàng S3 để rút số tiền 749.000.000 đồng. Sau đó, T10 bảo anh T8 chở đến trung tâm thương mại A2 gặp T2 và H9 để mời hai người đi ăn. Ăn xong, T10 trả công cho T2 10.000.000 đồng. Đối với khoản vay trên, T10 đã trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng S3 108.913.121 đồng (trong đó: gốc là 65.940.000 đồng, lãi là 42.973.121 đồng), sau đó T10 bỏ trốn để chiếm đoạt của ngân hàng số tiền 683.060.000 đồng. Như vậy, Lê Ánh T10 với vai trò chủ mưu đã thuê Nguyễn Thùy T2, Lê Duy H1 làm, sử dụng 01 tài liệu giả để Lừa đảo chiếm đoạt của Ngân hàng số tiền 683.060.000 đồng (749.000.000 đồng - 65.940.000 đồng).

Quá trình điều tra anh Đặng Văn T8 tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000 đồng (là số tiền T10 thuê anh T8 nhận tiền giải ngân).

Trách nhiệm dân sự: Ngân hàng S3 yêu cầu Lê Ánh T10, Lê Duy H1, Nguyễn Thùy T2 bồi thường (tiền gốc, tiền lãi phát sinh) với tổng số là 1.202.873.342 đồng.

5. Vụ thứ năm (hồ sơ vay vốn của Trần Văn M2)

Khoảng tháng 03/2019, Nguyễn Thùy T2 được giới thiệu làm quen với Lê Anh P và Trần Văn M2. P và M2 đặt vấn đề muốn nhờ T2 tìm xe ô tô, làm giả các giấy tờ, liên hệ với ngân hàng để vay vốn cho Trần Văn M2. T2 đồng ý và lấy thông tin cá nhân của Trần Văn M2 chuyển cho Lê Duy H1 để làm giả giấy đăng xe của chiếc ô tô hiệu Mercedes Benz, biển kiểm soát 90A-055.43, có số máy 916142538025, số khung 31215N519219 và các hợp đồng, giấy tờ khác để vay

vốn ngân hàng. Tương tự như các lần trước, sau khi làm xong hồ sơ giả, cả nhóm đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Ngân hàng S3 để làm thủ tục vay tiền. Sau khi thẩm định hồ sơ ngày 23/3/2019, Trần Văn M2 ký hợp đồng tín dụng số REF1908100235 để vay của Ngân hàng S2 số tiền 1.000.000.000 đồng, tài sản đảm bảo là 01 ô tô Mercedes Benz, biển kiểm soát 90A-055.43, thời hạn vay là 60 tháng (đến ngày 25/3/2024); khi giải ngân số tiền trên được chuyển vào khoản số 000009100235 mở tại hàng BIDV của Lê Anh P, sau đó P rút ra và trả lại cho M2. Sau khi nhận được tiền giải ngân, M2 đã trả T2 số tiền 10.000.000 đồng, trả Lê Duy H1 số tiền 50.000.000 đồng và đã trả cả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng S3 là 171.651.300 đồng (trong đó: Gốc là 116.669.000 đồng, lãi là 54.982.300 đồng). Ngày 20/10/2019, Trần Văn M2 bị tai nạn giao thông bị liệt nửa người hiện vẫn chưa tỉnh táo, mình vẫn để làm việc với Cơ quan điều tra. Đối tượng Lê Anh P cũng chưa triệu tập để lên lấy lời khai được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định tách rút hành vi của Trần Văn M2, Lê Anh P điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Như vậy, Trần Văn M2, Lê Anh P đã thuê Nguyễn Thùy T2, Lê Duy L3, sử dụng 01 tài liệu giả để Lừa đảo chiếm đoạt của Ngân hàng số tiền 883.331.000 đồng (1.000.000.000 đồng - 116.669.000 đồng).

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án, Ngân hàng S3 yêu cầu Trần Văn M2, Lê Anh P và Nguyễn Thùy T2, Lê Duy H1, bồi thường (tiền gốc, lãi phát sinh) với tổng số là 1.605.357.284 đồng.

6. Vụ thứ sáu (hồ sơ vay vốn của Hà Trung S):

Khoảng tháng 04/2019, Nguyễn Thùy T2 được giới thiệu và quen biết với Nguyễn Trọng N1. N1 nhờ T2 tìm xe ô tô, làm giả các giấy tờ, liên hệ với ngân hàng để vay vốn cho Hà Trung S. T2 đồng ý, lấy thông tin của Hà Trung S rồi chuyển cho Lê Duy H1 để làm giả giấy đăng ký của chiếc xe ô tô hiệu Audi Q7, đeo biển kiểm soát giả 30E-282.39, có số máy FK251665, số khung N4C5FK350265, làm giả hợp đồng mua bán xe và các hợp đồng, giấy tờ khác để vay vốn của Ngân hàng S3. Làm xong, cả nhóm chuyển toàn bộ hồ sơ cho Nguyễn Quang H5 để thẩm định hồ sơ vay vốn. Ngày 03/5/2019, Ngân hàng S3 ký Hợp đồng tín dụng số REF1912200329/HDTD/H03-HTS với Hà Trung S và giải ngân số tiền 1.200.000.000 đồng, tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô hiệu Audi Q7, biển kiểm soát 30E-282.39, thời gian vay là 48 tháng (đến ngày 03/5/2023); khi giải ngân số tiền trên được chuyển vào tài khoản số 000008700382 Ngân hàng S3 của Nguyễn Đình H16. Khi ngân hàng chuyển số tiền trên vào tài khoản của H16, H5 nhờ H16 làm thủ tục chuyển 1.000.000.000 đồng vào tài khoản 0580110656005 của Nguyễn Trọng N1 mở tại Ngân hàng S3 và chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản 136572288 của Lê Minh K2 (chưa xác định được lai lịch) mở tại Ngân hàng S3. Sau khi nhận được tiền vay của Ngân hàng S3, N1 đã trả tiền công cho T2 10.000.000 đồng, trả cho Lê Duy H1 50.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Trọng

N1 bỏ trốn khỏi nơi cư trú và chiếm đoạt số tiền 1.200.000.000 đồng của Ngân hàng S3.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra xác định toàn bộ thông tin nhân thân và giấy tờ cá nhân của Hà Trung S cung cấp cho ngân hàng để vay vốn là giả mạo, để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ngân hàng. Đối tượng Nguyễn Trọng N1 sau nhận được tiền giải ngân của Ngân hàng bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Do vậy, ngày 11/11/2024, Cơ quan điều tra ra Quyết định tách vụ án hình sự liên quan đến đối tượng Hà Trung S, Nguyễn Trọng N1 để tiếp tục điều tra làm rõ đề xuất xử lý sau.

Trách nhiệm dân sự: Ngân hàng S3 yêu cầu đối tượng Hà Trung S, Nguyễn Trọng N1, Lê Duy H1, Nguyễn Thùy T2 bồi thường (tiền gốc, lãi, phạt) với tổng số là 2.555.451.150 đồng.

Ngoài ra, Ngân hàng S3 trình báo đối với hồ sơ vay Nguyễn Văn T9: Ngày 10/5/2019, Nguyễn Văn T9 (sinh năm 1966; trú tại thôn P, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội) ký Hợp đồng tín dụng số REF1912900219 với Ngân hàng S2 để vay số tiền 1.050.000.000 đồng, tài sản đảm bảo là 01 chiếc xe ô tô THACO TB79S, biển kiểm soát 29B-413.99, có số máy 40BD09104399, số khung 9SBCJN001197, thời gian vay là 72 tháng (đến ngày 10/5/2025), khi giải ngân số tiền trên được chuyển vào tài khoản số 000008000583 của Mai Văn Đ4 (sinh năm 1990, trú tại thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội). Khoản vay này chỉ được thanh toán đến tháng 09/2019, với tổng số tiền cả gốc và lãi là 28.311.440 đồng. Quá trình điều tra, xác định đối tượng Nguyễn Văn T9 và Mai Văn Đ4 đã làm giả căn cước công dân, giấy chứng nhận xe ô tô và các giấy tờ khác để vay vốn ngân hàng. Cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ được đối tượng phạm tội nên ngày 11/11/2024 đã quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa: Đại diện Ngân hàng TMCP Đ7 đề nghị Tòa án xét xử nghiêm các đối tượng đã có hành vi gian dối, làm giả các tài liệu để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Rút toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với Dương Hoàng K và rút yêu cầu xem xét đối với hồ sơ vay vốn Nguyễn Văn T9 do Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách rút đối với hồ sơ này. Đề nghị Tòa án yêu cầu các đối tượng còn lại và có liên quan buộc phải bồi thường toàn bộ các khoản nợ đến ngày 26/11/2025. Cụ thể:

Tên khách hàng	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn chưa trả	Lãi quá hạn	Tổng nợ
Nguyễn Văn Điệp	568.400.000	128.499.439	523.463.905	1.220.363.344
Nguyễn Thị Hoài Thu	840.409.046	139.147.820	850.754.325	1.830.311.191
Lê Ánh Tuyết	654.345.234	150.728.206	593.649.621	1.398.723.061
Hà Trung Sơn	1.307.548.986	276.555.912	1.391.562.257	2.975.667.155
Trần Văn Minh	883.331.000	187.919.032	796.264.899	1.867.514.931
Nguyễn Văn Tùng	1.034.745.885	222.414.717	1.009.435.576	2.266.596.178
Tổng	5.288.780.151	1.105.265.126	5.165.130.583	11.559.175.860

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ các tài liệu và tiến hành giám định kết quả như sau:

- Bộ hồ sơ vay vốn của Dương Hoàng K gồm: Sao kê tài khoản của Dương Hoàng K tại Ngân hàng V; Hợp đồng mua bán xe ô tô số công chứng 123.21/2019/HĐMB ngày 24/01/2019; Giấy vay tiền 850.000.000VNĐ ngày 24/01/2019; Giấy nhận tiền 1.800.000.000 đồng ngày 24/01/2019; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF1903200160/HDTTC/H03-DHK ngày 01/02/2019; Hợp đồng tín dụng từng lần số REF19032000160/HDTD ngày 01/02/2019; Ủy nhiệm chi 850.000.000 đồng ngày 01/02/2019; Đăng ký xe số 365993 ngày 26/1/2019 mang tên Dương Hoàng K, xe có biển kiểm soát 30A-472.36; Hợp đồng Bảo hiểm xe cơ giới và Công văn xác nhận thanh toán.

- Bộ hồ sơ vay vốn của Nguyễn Thị Hoài T3 gồm: Đơn xin xác nhận V/v sử dụng CCCD Nguyễn Thị Hoài Thu ngày 05/03/2019; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 13/03/2019; Tổng hợp các bảng kê thẩm định hoạt động kinh doanh; Hợp đồng mua bán số 2822019 ngày 28/02/2019; Giấy nhận tiền 2.700.000.000 đồng ngày 28/02/2019; Giấy nhận tiền 1.200.000.000 đồng ngày 28/02/2019; Hợp đồng mua bán xe ô tô số công chứng 206.17/2019/HĐMB ngày 28/02/2019; Hợp đồng mua bán xe ô tô số công chứng 206.17/2019/HĐMB ngày 28/02/2019; Giấy vay tiền 1.200.000.000VNĐ ngày 28/02/2019; Hợp đồng tín dụng và phụ lục số REF1907300215/HDTD/H03-NTHT ngày 18/03/2019; Giấy đăng ký số 388635 của xe ô tô biển kiểm soát 30A-485.56 mang tên Nguyễn Thị Hoài T3.

- Bộ hồ sơ vay vốn của Nguyễn Văn Đ1 gồm: Giấy xác nhận số chứng minh nhân dân Nguyễn Văn Đ1 ngày 11/04/2019; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 57/UBND-XNTTHN ngày 03/05/2019; Giấy xác nhận kinh doanh ngày 10/04/2019; Hợp đồng mua bán số 19042019 ngày 19/04/2019; Hợp đồng mua bán xe ô tô số công chứng 1342 quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/04/2019; Giấy vay tiền 588.000.000 đồng ngày 19/04/2019; Giấy nhận tiền 840.000.000VNĐ ngày 19/04/2019; Hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 03/05/2019; Giấy đăng ký số 399890 của xe ô tô hiệu Honda CRV, biển kiểm soát 30E-388.01 mang tên Nguyễn Văn Đ1.

- Bộ hồ sơ vay vốn của Lê Thị Ánh T10 gồm: Tổng hợp bảng kê thẩm định hoạt động kinh doanh; Hợp đồng mua bán xe ô tô số công chứng 961, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/03/2019; Giấy nhận tiền 749.000.000VNĐ ngày 25/03/2019; Giấy nhận tiền 749.000.000VNĐ ngày 25/03/2019 (02 bản); Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF1909100385/HDTTC/H03-LAT ngày 02/04/2019; Hợp đồng tín dụng, phụ lục số REF1909100385/HDTD/H03-LAT ngày 02/04/2019; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Hyundai Santafe, biển kiểm soát 30E-479.80 số 399689 cấp ngày 29/3/2019...

- Bộ hồ sơ vay vốn của Trần Văn M2 gồm: Đăng ký xe ô tô hiệu Mercedes Ben CLA 45, biển kiểm soát 90A-055.43;

- Bộ hồ sơ vay vốn của Hà Trung S gồm: 01 giấy đăng ký xe ô tô Audi Q7 biển kiểm soát 30E-282.39, 01 bản chứng thực căn cước công dân đều mang tên

Hà Trung S;

hồ sơ của Nguyễn Văn T9 gồm: 01 giấy đăng ký xe nhãn hiệu THACO TB79S; biển kiểm soát 29B-413.99 và 01 bản chứng thực Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T9;

Thu giữ của Nguyễn Văn Đ1: 01 điện thoại kiểu dáng Samsung màu đen số imei: 352808091956045 đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số ngày 25/11/2019 của Phòng K3 - Công an thành phố H, giám định đối với 07 giấy chứng đăng ký ô tô mang tên Dương Hoàng K, Nguyễn Thị Hoài T3, Nguyễn Văn Đ1, Lê Thị Ánh T10, Trần Văn M2, Hà Trung S, Nguyễn Văn T9 kết luận: “...07 Chứng nhận đăng ký xe ô tô cần giám định là Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả”.

Tại bản Kết luận giám định số 4021/KL-KTHS ngày 07/6/2024 của Phòng thuật Hình sự - Công an thành phố H, giám định Đơn xác nhận đứng tên Nguyễn Thị Hoài T3 (ký hiệu A1), xác nhận sổ chứng minh thư của Nguyễn Văn Đ1 (A2), giấy xác nhận kinh doanh (A3), Xác nhận tình trạng hôn nhân (A4), Bản sao công nhận thuận tình ly hôn cho Nguyễn Văn Đ1 (A5) như sau:

Luận về đối tượng giám định:

1. Không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn “Công an phường C- Công an quận B - TP Hà Nội” trên mẫu cần giám định (A1) với hình dấu tròn “Công an phường C- Công an quận B - TP Hà Nội” trên các mẫu so sánh có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Phạm Văn T11 trên mẫu cần giám định (A1) với chữ ký đứng tên Phạm Văn T11 trên các mẫu so sánh có phải do một người ký ra hay không.

3. Hình dấu tròn “Công an huyện T – Công an thành phố H” trên mẫu cần giám định (A2) với hình dấu tròn “Công an huyện T – Công an thành phố H” trên các mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra ”...

4. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn S1 trên mẫu cần giám định (A2) với chữ ký đứng tên Nguyễn S1 trên các mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không.

5. Hình dấu tròn “U.B.N.D xã T, T, TP Hà Nội trên các mẫu cần giám định (A3 đến A5) với hình dấu tròn so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

6. Chữ ký đứng tên Cường Mạnh Đ5 trên các mẫu cần giám định (A3 đến A5) với chữ ký đứng tên C Mạnh Đỏ trên các mẫu so sánh không phải là chữ do cùng một người ký ra.”

Tại bản Kết luận giám định số 3894/KL-KTHS ngày 04/6/2024 của Phòng K3 - Công an thành phố H, Giám định các hợp đồng mua bán xe ô tô có công chứng của bên bán Hà Thanh T5 và bên mua Dương Hoàng K (A1), Trần Văn M2 (A2, A4), Hà Trung S (A3A5), 08 giấy giao nhận tiền giữa Hà Thanh T5 với Dương Hoàng K (A6) Văn Minh (A7), Hà Trung S (A8) 02 giấy vay nhận tiền

giữa Đỗ Ngọc H11 và Dương Hoàng K, (A9, A11), Nguyễn Thị Hoài T3 (A10; A12); Hợp đồng mua bán xe ô tô có công chứng, giấy nhận của Nguyễn Thị Hoài T3 và Nguyễn Anh Q1 (A13, A14, A15) kết luận:

“ 1. Chữ ký chữ viết dòng họ tên Hà Thanh T5 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Thanh T5 trên các mẫu so sánh là chữ do một cùng một người ký và viết ra.

* Chữ ký dạng chữ viết "Tuyền", chữ viết dòng họ tên Hà Thanh T5 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A2 đến A5, A7, A8 với chữ viết đứng tên Hà Thanh T5 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải chữ do cùng một người viết ra....

3. Chữ viết dòng họ tên Nguyễn Anh Q1 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A13 đến A15 với chữ viết đứng tên Nguyễn Anh Q1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M6 không phải chữ do cùng một người viết ra....”.

Tại bản Kết luận giám định số 6790/KL-KTHS ngày 25/9/2024 của Phòng K3 - Công an thành phố H giám định các hợp đồng mua bán ô tô có công chứng giữa Hà Thanh T5 – Dương Hoàng K (A1); Vũ Thị H13 – Nguyễn Văn Đ1 (A2-A3), giấy vay tiền Nguyễn Văn Đ1 – Nguyễn Thị Tố H14 (A4); Giấy nhận tiền giữa Nguyễn Văn Đ1 và Vũ Thị H13 (A5); Hợp đồng mua bán xe ô tô Nguyễn Thị L2 – Lê Ánh T10 (A6); Hợp đồng mua bán, Giấy nhận tiền; Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa Nguyễn Thị Hoài T3 – Nguyễn Anh Q1 (A7, A8, A10); Giấy nhận tiền giữa Đỗ Ngọc H11 – Nguyễn Thị Hoài T3 "...1. Chữ viết dòng họ tên Dương Hoàng K (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) với chữ viết đứng tên Dương Hoàng K trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) là chữ do cùng một người viết ra.

* Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Dương Hoàng K trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) với chữ ký đứng tên Dương Hoàng K trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

2. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Văn Đ1 (dưới chữ ký) trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A3 đến A5) với chữ ký, chữ viết đứng tên

Nguyễn Văn Đ1 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M3 đến M5) không phải là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Văn Đ1 (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn Đ1 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M3 đến M5) có phải là chữ do cùng một người ký và viết ra hay không.

3. Chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị L2 (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A6) với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị L2 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M6 đến M8) không phải là chữ do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Thị L2 trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A6) với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị L2 trên các mẫu so sánh (Ký

hiệu từ M6 đến M8) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

4. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết dòng họ tên Lê Ánh T10 (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A6) với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Ánh T10 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M9 đến M11) có phải là chữ do cùng một người ký và viết ra hay không.

5. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Hoài T3 (dưới chữ ký) trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A7 đến A10) với chữ ký, chữ viết đứng tên

Nguyễn Thị Hoài T3 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M12 đến M15) là chữ do cùng một người ký và viết ra."

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác minh tra cứu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xác định 07 chiếc xe ô tô với đặc điểm biển kiểm soát, số khung, số máy nêu trên 07 chiếc xe ô tô trên đều không có trong cơ sở dữ liệu quản lý.

Đối với Dương Hoàng K, Trần Văn D1 có hành vi thuê làm và sử dụng 01 tài liệu giả để làm hồ sơ vay vốn ngân hàng, Kết quả điều tra xác định: K và D1 có hành vi gian dối trong việc lập hồ sơ để vay vốn ngân hàng, sau khi nhận tiền không có ý thức chiếm đoạt mà tích cực trả nợ ngân hàng, nên không phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý, Viện sát nhân dân thành phố H không truy tố K và D1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với Vương Quốc T4 và Nguyễn Doãn C: Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Duy H17 khai Vương Quốc T4 là đối tượng trực tiếp chuẩn bị 06 xe ô tô, làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và làm khống các hồ sơ mua xe ô tô; Nguyễn Doãn C là người giới thiệu D1, K, T10, P quen T2 và H17 để liên hệ việc làm giả hồ sơ mua bán xe, đăng ký xe. Quá trình điều tra vụ án, Vương Quốc T4 và Nguyễn Doãn C đều không có mặt tại nơi cư trú, chưa xác định được nơi ở của T4 và C. Do đó ngày 11/11/2024, Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi của T4 và C để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với Hà Thanh T5, Nguyễn Anh Q1, Nguyễn Thị L2 và Vũ Thị H13 (là những người ký vào các hợp đồng bán xe ô tô). Tại Cơ quan điều tra, T5 và Q1 khai có quen biết với Vương Quốc T4, biết T4 buôn bán xe ô tô nên đồng ý ký vào các Hợp đồng là người bán xe ô tô, T5 và Q1 không biết việc T4 làm giả các đăng ký xe ô tô và sử dụng các hợp đồng này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Kết quả điều tra xác định chị Nguyễn Thị L2 bị đối tượng lấy thông tin căn cước công dân để giả mạo chị L2 ký hợp đồng mua bán xe ô tô; Cơ quan điều tra chưa xác định được nơi ở của Vũ Thị H13. Do đó ngày 11/11/2024, Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi của Hà Thanh T5, Nguyễn Anh Q1, Vũ Thị H13 và đối tượng giả mạo chị L2 để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý.

Đối với Đỗ Ngọc H11, Nguyễn Thị Tố H14, Nguyễn Đình H16 và Đặng Văn T8 (là những người nhận tiền giải ngân). Kết quả điều tra xác định H11, H14 và H16 đều là người được H5 nhờ nhận tiền vào tài khoản giúp; còn T8 được Lê Thị Ánh T10 thuê. Cả H11, H14, H16 và T8 đều không biết H5 và T10 có hành vi lừa

đảo chiếm đoạt tài sản và không được hưởng lợi, nên không đồng phạm với H5 và T10. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý H11, H14, H16 và T8 về hành vi trên.

Đối với trách nhiệm của các nhân viên và Lãnh đạo Ngân hàng S3, kết quả điều tra xác định: Đối với Nguyễn Quang H5 (ở vụ A, vụ 3) các nhân viên, Lãnh đạo chi nhánh Ngân hàng S5 tại Phòng G1, H đều khai nhận thu thập, kiểm định các hồ sơ theo đúng quy định của ngân hàng. Cơ quan điều tra đã có Công văn đề nghị Ngân hàng S3 cung cấp quy trình kiểm tra tài sản sau vay và hồ sơ kiểm tra tài sản sau vay đối với toàn bộ 06 hồ sơ vay tiền; các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của các vị trí Chuyên viên chính KHCN, Giám đốc Phòng G1, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc khu vực Hà Nội II của Ngân hàng S3. Đến nay Ngân hàng S5 vẫn chưa có văn bản trả lời nên chưa có căn cứ làm rõ sai phạm của từng cá nhân. Ngày 11/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã quyết định tách vụ án hình sự liên quan đến nội dung trên để tiếp tục điều tra và xử lý khi có căn cứ.

Đối với trách nhiệm của các Công chứng viên là Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T6. Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra chưa thu thập được hết các hợp đồng công chứng gốc, chưa lấy được hết lời khai của người đứng tên bán hồ sơ, chưa lấy được lời khai của đối tượng Vương Quốc T4, nên chưa xác định rõ được hành vi của C1 và T6. Do đó ngày 11/11/2024, Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án hình sự liên quan đến hành vi của Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T6 để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với các đối tượng Lê Anh P, Trần Văn M2, Hà Trung S... được tách rút hành vi làm rõ sau.

Tại các Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã yêu cầu xem xét điều tra bổ sung để khởi tố thêm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Dương Hoàng K, Trần Văn D1; xem xét vụ việc đồng phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bị cáo Nguyễn Quang H5; đề nghị xem xét trách nhiệm của cán bộ Ngân hàng TMCP Đ7 liên quan đến các hồ sơ tín dụng; đề nghị xem xét khởi tố đối với 02 công chứng viên Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T6 về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng hoặc Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Tại Công văn số 1926/VKSHN-P2 ngày 30/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã phúc đáp nội dung trả hồ sơ điều tra bổ sung của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

Nội dung thứ nhất: Truy tố bổ sung đối với Dương Hoàng K và Trần Văn D1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a, khoản 4, Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự: Căn cứ tài liệu có trong hồ

sơ xác định: Khoảng tháng 01/2019, do cần vốn để kinh doanh nhưng không có tài sản thế chấp, Dương Hoàng K và Trần Văn D1 liên hệ với Nguyễn Thùy T2 nhờ T2 giúp để vay vốn là tìm xe ô tô, làm giả các giấy tờ xe rồi thế chấp vào ngân hàng để vay vốn kinh doanh buôn bán xe ô tô. Ngày 01/02/2019, Ngân hàng giải ngân cho K vay số tiền 850.000.000 đồng kỳ hạn đến 01/02/2023. Tài liệu điều tra thể hiện K, D1 sử dụng vay tiền kinh doanh ô tô tự lái. Sau khi vay vốn hàng tháng, K, D1 vẫn trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng theo đúng quy định. Đến tháng 09/2019, Ngân hàng phát hiện giấy tờ xe ô tô là giả và có đơn tố giác gửi Cơ quan điều tra, bản thân Dương Hoàng K, Trần Văn D1 vẫn trả gốc lãi cho ngân hàng. Đến năm 2020 - 2022 do tình hình bệnh dịch, làm ăn thua lỗ nên D1, K chưa trả hết khoản vay cho ngân hàng nhưng vẫn giữ liên hệ với ngân hàng để xin giảm lãi cho khoản vay, tính đến thời điểm khởi tố vụ án Dự, K đã trả gốc và lãi cho ngân hàng là 562.839.336 đồng (trả gốc 466.430.071 đồng, lãi 85.856.905 đồng); Sau khi kết thúc điều tra vụ án, K, D1 vẫn tiếp tục liên hệ với ngân hàng, tính thời điểm ngày 23/4/2025, K, D1 trả được tổng số 690.886.902 đồng (trả gốc 605.029.977 đồng; trả lãi 85.856.905 đồng) đồng thời trả 30.000.000 đồng tiền nợ thẻ tín dụng (theo Công văn số Công văn số 6060/CV ngày 25/4/2025 của Ngân hàng S2 cung cấp). Đến ngày 20/8/2025, Dương Hoàng K, Trần Văn D1 đã trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho ngân hàng. Như vậy, Dương Hoàng K và Trần Văn D1 có hành vi gian dối trong việc lập hồ sơ để vay vốn ngân hàng nhưng K và D1 không có ý thức chiếm đoạt mà tích cực trả nợ ngân hàng, đến nay đã trả hết nợ gốc và lãi trong hạn nên không phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý K và D1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ.

Nội dung thứ hai: Truy cứu bổ sung trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Quang H5, đồng phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đối với các bị cáo, trong các vụ nêu phần trên, với tổng số tiền bị chiếm đoạt là 4.277.000.000 đồng. Căn cứ tài liệu điều tra xác định: Nguyễn Quang H5 có hành vi giúp sức, tham gia tư vấn cho nhóm Nguyễn Thùy T2 trong các hồ sơ vay vốn của Nguyễn Thị Hoài T3, Nguyễn Văn Đ1, Hà Trung S để làm giả "Giấy vay tiền", hướng dẫn Nguyễn Thị Hoài T3 sửa hai số cuối ở Chứng minh thư nhân dân thành số A1 rồi làm đơn đến Công an phường C, quận B, thành phố Hà Nội xin xác nhận nhằm che giấu việc T3 đã có nợ xấu không đủ điều kiện vay vốn, nhằm mục đích giải ngân chuyển vào tài khoản của người quen, người thân của H5 rồi H5 chuyển lại đến tài khoản do nhóm của Nguyễn Thùy T2 chỉ định nhằm chiếm đoạt tiền của Ngân hàng. Đối với các hồ sơ vay vốn của Lê Ánh T10, Trần Văn M2 không có tài liệu căn cứ xác định Nguyễn Quang H5 đồng phạm đối với Nguyễn Thùy T2. Do vậy, hành vi của Nguyễn Quang H5 đồng phạm với Nguyễn Thùy T2, Lê Duy H1 và các đồng phạm khác trong các hồ sơ của Nguyễn Thị Hoài T3, Nguyễn Văn Đ1 và Hà Trung S (vụ thứ 2, vụ thứ 3, thứ 6) với tổng số tiền là 2.608.809.046 đồng. Đối với việc thu lợi bất chính của Nguyễn Quang H5: Tại bản Cáo trạng 760/CT-VKSHN-P2 ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã quy kết rõ số tiền hưởng lợi của Nguyễn Quang H5 cụ thể: Đối với vụ thứ nhất Hồ sơ vay vốn của Dương Hoàng K có xác định Nguyễn Quang H5 hưởng lợi số

tiền 73.000.000 đồng tiền hưởng lợi; Đối với vụ thứ hai - Hồ sơ vay vốn của Nguyễn Thị Hoài T3 xác định H5 hưởng lợi số tiền 81.000.000 đồng; Tổng số tiền H5 hưởng lợi 154.000.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Thùy T2 khai mỗi hồ sơ vay vốn (hồ sơ của Lê Ánh T10) có chuyển cho H5, H5 sẽ thu từ 05% đến 10% trên số tiền khách hàng được vay nhưng không đưa ra được căn cứ, tài liệu thể hiện việc H5 nhận tiền của khách hàng. Bản thân Nguyễn Quang H5 không thừa nhận việc nhận tiền của khách hàng nên không có căn cứ xác định Nguyễn Quang H5 hưởng lợi bất chính từ những hồ sơ vay vốn khác.

Nội dung thứ ba: Xác định hành vi của cán bộ lãnh đạo ngân hàng đối với các hồ sơ vay vốn bị truy tố: Đối với trách nhiệm của các nhân viên và Lãnh đạo Ngân hàng S3, kết quả điều tra xác định: Cơ quan điều tra đối chiếu nhiệm vụ thẩm quyền, quy trình thẩm định, kiểm tra đối với các cán bộ ngân hàng (ngoại trừ Nguyễn Quang H5) thì xác định việc thẩm định của các cán bộ nhân viên ngân hàng và cán bộ nhân viên Công ty T14 đều thực hiện đúng theo quy định và trình tự không vi phạm quy định của Ngân hàng nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Nội dung thứ tư: Đối với trách nhiệm của các Công chứng viên là Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T6: Quá trình điều tra xác định: Đối với hợp đồng ông Nguyễn Văn T6 ký công chứng hợp đồng mua bán giữa Nguyễn Thị Hoài T3 và Nguyễn Anh Q1, trong đó chữ viết, chữ ký của anh Q1 trong hợp đồng không phải do anh Q1 viết và ký ra. Đối với Nguyễn Văn C1 ký công chứng hợp đồng mua bán giữa Hà Thanh T5 - Trần Văn M2 và Hợp đồng mua bán xe giữa Lê Thị Ánh T10 - Nguyễn Thị L2, trong đó chữ viết, chữ ký của chị Hà Thanh T5 và chị Nguyễn Thị L2 không phải do chị T5 và chị L2 viết và ký ra. Bản thân ông T3 và ông C1 khai nhận thực hiện việc Công chứng mua bán xe theo đúng quy định, đầy đủ giấy hợp pháp, công chứng trước bên mua bên bán theo quy định. Quá trình kiểm tra Công chứng viên không phát hiện giấy tờ các đối tượng mang đến phòng công chứng là giả. Nhưng hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được đối tượng soạn thảo, làm giả hợp đồng mua bán xe ô tô; ai là người đến Văn phòng công chứng để yêu cầu công chứng; thu phí bao nhiêu (để xác định số tiền hưởng lợi); chưa xác định rõ có hay không các đối tượng giả người mua, người bán đến Văn phòng công chứng để thực hiện việc yêu cầu công chứng mua bán xe hay không? Để có căn cứ vững chắc khởi tố bị can đối với 02 công chứng viên, Cơ quan điều tra đã yêu cầu 02 Văn phòng công chứng cung cấp sổ sách thu chi, bảng kê hoặc hóa đơn thu tiền phí dịch vụ công chứng đối với việc công chứng 06 hợp đồng mua bán, để có căn cứ xác định số tiền thu lợi mà 02 công chứng viên được hưởng khi công chứng 06 hợp đồng mua bán xe ô tô nêu trên đến nay 02 Văn phòng công chứng vẫn chưa có văn bản trả lời và cần thiết tiếp tục điều tra truy tìm đối tượng Vương Quốc T4. Do đó, ngày 26/9/2025, Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án hình sự, liên quan đến hành vi của Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Văn T6 để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Vì lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên bản Cáo

trạng số 760/CT-VKSHN-P2 ngày 27/11/2024 truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thùy T2 và Lê Duy H1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và các điểm a, b, khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Đối với các bị cáo Lê Ánh T10 và Nguyễn Văn Đ1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Đối với các bị cáo Hán Mạnh H9, Nguyễn Quang H5 và Nguyễn Thị Hoài T3 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; Đối với các bị cáo Dương Hoàng K và Trần Văn D1 về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự, chuyển lại hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 810/2025/HS-ST ngày 26, 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: Tuyên bố các bị cáo Lê Duy H1, Hán Mạnh H9, Nguyễn Quang H5, Lê Ánh T10, Nguyễn Văn Đ1, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tuyên bố các bị cáo Lê Duy H1, Lê Ánh T10, Nguyễn Văn Đ1, Dương Hoàng K, Trần Văn D1 phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s, (áp dụng thêm điểm b đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản) khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Duy H1.

phạt: **Lê Duy H1** 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2023.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, (áp dụng thêm điểm b đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Ánh T10, Nguyễn Văn Đ1.

phạt: **Lê Ánh T10** 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (Hai) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2024.

phạt: **Nguyễn Văn Đ1** 11 (Mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2024.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

phạt: **Nguyễn Quang H5** 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/1/2024.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

phạt: **Hán Mạnh H9** 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Hoàng K, Trần Văn D1

phạt: **Dương Hoàng K** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

phạt: **Trần Văn D1** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Toà án nhân dân thành phố Hà Nội kiến nghị cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền tiếp tục thực hiện điều tra, truy tố đối với Dương Hoàng K, Trần Văn D1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thùy T2, Nguyễn Thị Hoài T3; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/12/2025, các bị cáo Lê Ánh T10, Hán Mạnh H9 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/12/2025, các bị cáo Nguyễn Quang H5, Nguyễn Văn Đ1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05/12/2025, bị cáo Lê Duy H1 kháng cáo xin xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 05/12/2025, các bị cáo Trần Văn D1 và Dương Hoàng K đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Duy H1, Nguyễn Văn Đ1, Lê Ánh T10, Hán Mạnh H9, Nguyễn Quang H5 đều thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mới, cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo Trần Văn D1 và Dương Hoàng K thay đổi kháng cáo, xin hưởng án treo; các bị cáo D1, K, H1, H5 cung cấp tài liệu mới thể hiện các bị cáo đã nộp một phần hoặc toàn bộ khoản tiền về trách nhiệm dân sự, án phí dân sự và án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm; tài liệu về việc các bị cáo tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện tại địa phương...

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội sau khi phân

tích đánh giá nguyên nhân, tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, kết luận: Các bị cáo H1, T10, Đ1 bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; các bị cáo H5, H9 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; các bị cáo D1, K về tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo tiếp tục thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, cung cấp một số tài liệu là tình tiết giảm nhẹ mới gồm: Biên lai nộp tiền khắc phục hậu quả cho các bị hại; án phí hình sự sơ thẩm, đơn xác nhận của địa phương về hoàn cảnh gia đình, nhân thân các bị cáo tham gia cách mạng...

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H5 cung cấp Biên lai nộp tiền khắc phục hậu quả, tiền thu lời bất chính và án phí hình sự sơ thẩm, đơn xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình, nhân thân bị cáo tốt, chưa tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội bị cáo tham gia nhiều hoạt động thiện nguyện như hiến máu nhân đạo, được Ngân hàng S2 tặng Giấy khen trong quá trình công tác, gia đình có công Cách mạng;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Duy H1, Lê Anh T12, Nguyễn Văn Đ1, Hán Mạnh H9, Nguyễn Quang H5: Giảm cho bị cáo H1 12 đến 16 tháng tù; các bị cáo T12, H9, Đ1 giảm cho mỗi bị cáo từ 06 đến 12 tháng tù; giảm cho bị cáo H5 từ 18 đến 24 tháng tù; chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Trần Văn D1 và Dương Hoàng K, giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo H1, H5, T12, H9, Đ1 không có ý kiến về tội danh; nhất trí quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội; đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá tính chất hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, đặc biệt là các tình tiết giảm nhẹ bị cáo H1, bị cáo H5 xuất trình tại phiên tòa, theo đó giảm hình phạt cho các bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt đại diện Viện Công tố đề nghị tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của các bị cáo Lê Duy H1, Lê Anh T10, Nguyễn Văn Đ1, Hán Mạnh H9, Nguyễn Quang H5, Dương Hoàng K và Trần Văn D1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 810/2025/HS-ST ngày 26, 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đều trong thời hạn nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Các quyết định và hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; không có ý kiến hoặc khiếu nại.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Duy H1 thay đổi nội dung kháng cáo từ đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án phúc thẩm đối với số tiền bị cáo hưởng lợi và số tiền bị quy trách nhiệm, nay bị cáo thừa nhận hành vi đã bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết là đúng pháp luật; bị cáo ăn năn hối cải và kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Trần Văn D1 và Dương Hoàng K thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang xin được hưởng án treo để được cải tạo ngoài xã hội. Nội dung thay đổi này phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho các bị cáo nên được chấp nhận để xét.

Các bị cáo Dương Hoàng K, Trần Văn D1, Nguyễn Quang H5, Lê Duy H1 xuất trình thêm các tài liệu mới đã được HĐXX công bố và thẩm vấn công khai tại phiên tòa nên được xem xét.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của các bị cáo Lê Duy H1, Lê Ánh T10, Nguyễn Văn Đ1, Hán Mạnh H9, Nguyễn Quang H5, Dương Hoàng K và bị cáo Trần Văn D1. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Về hành vi phạm tội của tất cả các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài bị cáo Lê Duy H1 ban đầu còn chưa nhận thức rõ hành vi phạm tội của bị cáo là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo T2 chiếm đoạt tiền của Ngân hàng nhưng trong quá trình xét hỏi bị cáo đã thay đổi nhận thức và thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về sai phạm của mình; các bị cáo còn lại đều tiếp tục thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như đã được xác định tại bản án sơ thẩm, không oan. Căn cứ và kết quả tranh tụng và các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 01/2019 đến tháng 4/2019, Ngân hàng S3 đưa ra quy định “Cho vay mua xe ô tô” với tài sản thế chấp là chính xe ô tô của khách hàng. Lợi dụng những sơ hở trong quy trình cho vay của Ngân hàng S3, Nguyễn Thùy T2 thuê Lê Duy H1 và một số đối tượng khác đã làm giả tài sản đảm bảo cho các khoản vay bằng cách tìm 06 xe ô tô nhập lậu có nguồn gốc từ nước ngoài vào rồi chuyển các thông tin khách hàng để đối tượng Vương Quốc T4 làm giả 06 giấy đăng ký xe và các hợp đồng mua bán xe ô tô và một số tài liệu khác. T2 đã cấu kết với cán bộ Ngân hàng S3, trong đó có sự giúp sức của bị cáo Nguyễn Quang H5 trong ba hồ sơ vay vốn của khách hàng từ không đủ điều kiện thành đủ điều kiện vay vốn để T2 05 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 4.175.200.046 đồng của Ngân hàng S3.

Tại bản án sơ thẩm đã xác định:

“- Nguyễn Thùy T2 và Lê Duy H1 có hành vi sử dụng 10 tài liệu giả (06 đăng ký xe ô tô, 04 giấy xác nhận nhân thân Đ1) để làm giả 06 hồ sơ vay vốn ngân hàng; thực hiện và đồng phạm trong 05 vụ lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 4.175.200.046 đồng của Ngân hàng S2 (V, vụ 4 vụ 5, vụ 6).

- Lê Ánh T10 có hành vi sử dụng 01 tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt số tiền là 683.060.000 đồng của Ngân hàng S2 4).

- Nguyễn Văn Đ1 có hành vi sử dụng 04 tài liệu giả, đồng phạm với Nguyễn Thùy T2 lừa đảo chiếm đoạt số tiền 568.400.000 đồng của Ngân hàng S2).

- Hán Mạnh H9 đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Thùy T2 lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong 02 vụ với tổng số tiền là 1.408.809.046 đồng (vụ 2, 3).

- Nguyễn Quang H5 và Nguyễn Thị Hoài T3 có hành vi giúp sức cho Nguyễn Thùy T2 lừa đảo chiếm đoạt số tiền là 840.409.046 đồng, H5 hưởng lợi 154.000.000 đồng (vụ 2).

- Dương Hoàng K và Trần Văn D1 có hành vi thuê làm và sử dụng 01 tài liệu giả để làm hồ sơ vay vốn ngân hàng (vụ 1)."

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thùy T2, Lê Duy H1, Nguyễn Thị Hoài T3, Hán Mạnh H9, Lê Ánh T10, Nguyễn Văn Đ6 các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Quang H5 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Dương Hoàng K, Trần Văn D1 về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo Nguyễn Thùy T2 và Nguyễn Thị Hoài T3 Không kháng cáo nên không xét.

[2.2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo H1, H9, T10, Đ1, H5 và kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo D1, K; Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại bản án sơ thẩm đã nhận định "Hành của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản người khác, gây mất trật tự ổn định xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện" là có căn cứ nên khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá vai trò của từng bị cáo. Theo đó:

Các bị cáo trong vụ án phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo Nguyễn Thùy T2 là kẻ chủ mưu và chiếm đoạt, hưởng phần lớn số tiền đã chiếm đoạt được hoặc tiền hưởng lợi trong các hồ sơ vay vốn đã được làm rõ trong vụ án này. Bị cáo Lê Duy H1 đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực trong cả 05 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng; trong đó bị cáo T2 có hành vi chủ mưu trong 02 hồ sơ tín dụng Nguyễn Thị Hoài T3 và Nguyễn Văn Đ1, trực tiếp chiếm đoạt số tiền 1.408.809.046 đồng, đồng phạm giúp sức chiếm đoạt số tiền 2.766.391.000 đồng của 03 hồ sơ tín dụng nên vai trò và trách nhiệm hình sự của bị cáo T2 là cao nhất đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đối với hành vi Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, bị cáo T2 có vai trò đồng phạm giúp sức, cung cấp thông tin để H1 chuyển cho đối tượng T4 làm giả 10 tài liệu nên vai trò trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo H1. Bị cáo H1 đồng phạm giúp sức cùng T2 trong cả 05 hồ sơ tín dụng, vai trò thấp hơn bị cáo T2 nhưng vai trò cao hơn các bị cáo khác đồng phạm đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản,

có vai trò đồng phạm tích cực trong việc chuyển tài liệu cho đối tượng tên T4 để làm giả 10 tài liệu nên vai trò, trách nhiệm cao hơn bị cáo T2 ở tội “Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Do đó khi quyết định hình phạt, tại bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[2.2.1] Đối với bị cáo Lê Duy H1: Tại bản án sơ thẩm đã quyết định hình phạt 12 năm tù đối với bị cáo Lê Duy H1 là phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm xác định số tiền bị cáo được hưởng lợi không lớn, sau khi có quyết định của bản án sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 225.000.000 đồng tiền khắc phục một phần hậu quả cho ngân hàng, nộp 46.545.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội như đã bị quy kết, điều này thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo, bị cáo có bố đẻ là thương binh và mới mất ngày 20/12/2025; do đó áp dụng tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật chấp nhận kháng cáo giảm cho bị cáo Lê Duy H1 một phần hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” không có căn cứ xem xét giảm hình phạt cho bị cáo Lê Duy H1 đối với tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

[2.2.2] Đối với bị cáo Hán Mạnh H9, tại bản án sơ thẩm đã xác định bị cáo là đồng phạm giúp sức và cùng hưởng lợi với bị cáo T2 trong 02 hồ sơ bị cáo Trang chủ M3 chiếm đoạt số tiền 1.408.809.046 đồng của Ngân hàng. Tuy nhiên xét thấy do quan hệ là bạn trai của bị cáo T2 nên H9 thường xuyên đi cùng, giúp sức và số tiền chiếm đoạt được có chuyển về tài khoản của H9, tuy nhiên phần lớn số tiền sau chiếm đoạt được bị cáo H9 đều rút ra và đưa lại để bị cáo T2 là người chiếm đoạt và chi tiêu chính. Vì vậy hình phạt 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc so với hành vi và nhận thức của bị cáo Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo giảm cho bị cáo Hán Mạnh H9 một phần hình phạt về tội danh này.

[2.2.3] Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ1 có hành vi giúp sức cùng bị cáo T2, H9 chiếm đoạt số tiền 568.400.000 đồng đối với hồ sơ Nguyễn Văn Đ1, nhưng bị cáo không được hưởng lợi gì. Vì vậy, hình phạt 11 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó, áp dụng tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật giảm cho bị cáo Đ1 một phần hình phạt về tội này.

[2.2.4] Đối với bị cáo Lê Ánh T10 có hành vi sử dụng 01 tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt số tiền là 683.060.000 đồng của Ngân hàng S2 nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền này là đúng nhưng thực chất bị cáo T10 ban đầu chỉ là người có nhu cầu vay vốn nhưng không có tài sản đảm bảo, được đối tượng Nguyễn Doãn C giới thiệu mới gặp và được bị cáo Nguyễn Thùy Trang chủ M3 và cùng với bị cáo H1 chủ động làm giả tài liệu để chiếm đoạt số tiền như đã bị quy kết; số tiền hưởng lợi không lớn. Vì vậy hình phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó, áp dụng tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật giảm cho bị cáo Lê Ánh T10 một phần hình phạt về tội này.

[2.2.5] Đối với bị cáo Nguyễn Quang H5 đồng phạm với bị cáo T2, H1 trong 03 hồ sơ tín dụng là Nguyễn Thị Hoài T3, Nguyễn Văn Đ1 và Hà Trung S. Tại bản án sơ thẩm đã xác định “vai trò của bị cáo là tích cực, hỗ trợ đủ điều kiện cấp tín dụng cho các hồ sơ này nên vai trò và trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo T2, H1 nhưng cao hơn các bị cáo còn lại. Tuy nhiên trong các hồ sơ vay vốn này thì hành vi giúp sức của H5 có mức độ; số tiền hưởng lợi không lớn; đã chủ động tác động gia đình nộp hết số tiền bị truy thu, tiền khắc phục hậu quả cho Ngân hàng; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp đơn xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình, nhân thân bị cáo tốt, chưa tiền án, tiền sự; bị cáo tuổi đời còn trẻ, chưa lập gia đình; trước khi phạm tội bị cáo tham gia nhiều hoạt động thiện nguyện; được Ngân hàng S2 tặng Giấy khen trong quá trình công tác; gia đình có công Cách mạng; bị cáo tiếp tục thể hiện thái độ ăn năn, hối cải... nên áp dụng tính nhân đạo của pháp luật, chấp nhận kháng cáo giảm cho bị cáo một phần hình phạt tương xứng với mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.2.6] Đối với các bị cáo Dương Hoàng K và Trần Văn D1; tại bản án sơ thẩm đã xác định các bị cáo là “đồng phạm cùng nhau trong việc thuê T2, H1 làm giả để sử dụng 01 tài liệu giả khi thực hiện vay vốn tại hồ sơ tín dụng Dương Hoàng K” là đúng. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo là người có nhu cầu vay vốn để kinh doanh là nhu cầu chính đáng nhưng không có tài sản thế chấp. Chính đối tượng Nguyễn Doãn C và bị cáo Nguyễn Thùy T2 đã chủ động và hướng dẫn cũng như trực tiếp thực hiện làm giả tài liệu là giấy tờ xe ô tô, liên hệ với ngân hàng để thế chấp giấy tờ chiếc xe này giúp cho K và D1. Quá trình sử dụng khoản vốn vay được này vào mục đích kinh doanh mua và cho thuê xe ô tô tự lái cũng như thực hiện trả gốc và lãi hàng tháng đã được cơ quan điều tra xác định; do đại dịch C2 nên các bị cáo không tiếp tục trả được gốc và lãi nhưng không trốn tránh mà còn liên hệ với ngân hàng để xin giảm tiền lãi; trước khi vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm thì các bị cáo đã thanh toán xong toàn bộ khoản vay này. Tại cấp phúc thẩm cả hai bị cáo xuất trình thêm một số tài liệu mới thể hiện gia đình các bị cáo có công với Cách mạng; ông nội bị cáo D1 được Chính phủ tặng Huy chương Kháng chiến Hạng hai, bố bị cáo là thương binh; bà nội bị cáo K được tặng Bằng có công với nước...; các bị cáo tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện tại địa phương; có nơi cư trú rõ ràng, là lao động chính. Vì vậy việc các bị cáo Trần Văn D1 và Dương Hoàng K bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và xử phạt mỗi bị cáo 18 tháng tù là đúng quy định nhưng căn cứ vào tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo cách ly ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo.

[3] Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Lê Duy H1, Lê Ánh T10, Hán Mạnh H9, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Quang H5 tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đối với các bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Duy H1, Lê Ánh T10, Hán Mạnh H9, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Quang H5, Trần Văn D1 và Dương Hoàng K; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 810/2025/HS-ST ngày 26, 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, về phần hình phạt đối với các bị cáo Lê Duy H1, Lê Ánh T10, Hán Mạnh H9, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Quang H5, Trần Văn D1 và Dương Hoàng K. Cụ thể:

*** Về tội danh:**

Tuyên bố các bị cáo Lê Duy H1, Hán Mạnh H9, Nguyễn Quang H5, Lê Ánh T10, Nguyễn Văn Đ1, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Tuyên bố các bị cáo Lê Duy H1, Lê Ánh T10, Nguyễn Văn Đ1, Dương Hoàng K, Trần Văn D1 phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

*** Về hình phạt:**

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s, (áp dụng thêm điểm b đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”) khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Duy H1.

Xử phạt: **Lê Duy H1** 10 (Mười) năm 09 (C3) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 13 (Mười ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, (áp dụng thêm điểm b đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”) khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Ánh T10, Nguyễn Văn Đ1.

Xử phạt: **Lê Ánh T10** 11 (Mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (Hai) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2024.

Xử phạt: **Nguyễn Văn Đ1** 10 (M4) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2024.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Quang H5** 08 (T13) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/1/2024.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Hán Mạnh H9** 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Hoàng K, Trần Văn D1.

Xử phạt: **Dương Hoàng K** 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt: **Trần Văn D1** 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Dương Hoàng K cho Ủy ban nhân dân xã G, thành phố Hà Nội; giao bị cáo Trần Văn D1 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hà Nội giám sát giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về án phí: Các bị cáo Lê Duy H1, Hán Mạnh H9, Nguyễn Văn D1, Lê Ánh T10, Nguyễn Quang H5, Trần Văn D1 và Dương Hoàng K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Xác nhận bị cáo Nguyễn Quang H5 đã nộp 68.250.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và tiền khắc phục hậu quả tại Biên lai số 0000039 ngày 05/01/2026; bị cáo Lê Duy H1 đã nộp 225.000.000 đồng tiền trả cho Ngân hàng TMCP Đ7 tại Biên lai số 0002074 và 46.545.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai số 0002073, cùng ngày 24/02/2026 (các biên lai đều của Thi hành án dân sự thành phố H).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Lực

Hoàng Thị Bích Hải

Nguyễn Vũ Đông

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- TTG số 1 CA thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo Dự, Khôi (theo địa chỉ);
- Các bị cáo khác (qua TTG số 1);
- UBND phường Thanh Liệt và UBND xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội;
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Đông